

Bản án số: 290/2023/DS-PT

Ngày: 15-3-2023

V/v “Tranh chấp liên quan đến
yêu cầu tuyên bố văn bản công
chứng vô hiệu”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Hồng Giảng

Các Thẩm phán: Bà Võ Thị Kim Thương
Ông Trương Việt Hồng.

Thư ký phiên tòa: Bà Trương Nguyễn Thu Trang – Thư ký Tòa án nhân dân
Thành phố Hồ Chí Minh.

*Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh tham gia
phiên tòa:* Bà Hoàng Anh Nga – Kiểm sát viên.

Trong ngày 13 và 15 tháng 3 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân Thành phố
Hồ Chí Minh, xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 469/DSPT ngày
18/11/2022 về việc “Tranh chấp liên quan đến yêu cầu tuyên bố văn bản công
chứng vô hiệu”.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 3601/2022/DS-ST ngày 15/8/2022 của Tòa án
nhân dân thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 106/QĐXXPT-DS ngày 16 tháng 01
năm 2023, giữa các đương sự:

Nguyên đơn:

1/ Bà Huỳnh Thị G, sinh năm 1936;

Địa chỉ: 124/3Đ, khu phố A, Phường Đ, Thành phố Thủ Đức, Thành phố
Hồ Chí Minh. (có mặt khi xét xử, vắng mặt khi tuyên án)

Người đại diện hợp pháp theo ủy quyền: Bà Huỳnh Ngọc S, sinh năm 1969.

Địa chỉ: 56/6F, khu phố B, phường H, thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí
Minh. (có mặt)

Địa chỉ liên lạc: Số 8A/4, tổ 1, khu phố C, phường L, thành phố Thủ Đức,
Thành phố Hồ Chí Minh.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp: Luật sư Ngô Hoàng C (có mặt) và
Luật sư Nguyễn Hoàng A (có mặt khi xét xử, vắng mặt khi tuyên án) – Công ty

Luật TNHH I.

Địa chỉ: 11 Bis N, phường K, Quận A, Thành phố Hồ Chí Minh.

2/ Bà Huỳnh Thị N, sinh năm 1941. (có mặt khi xét xử, vắng mặt khi tuyên án)

Địa chỉ: Ấp P, xã T, huyện C, Thành phố Cần Thơ.

Người đại diện hợp pháp theo ủy quyền:

- Bà Nguyễn Thị Bích N, sinh năm 1968; (có mặt khi xét xử, vắng mặt khi tuyên án)

Địa chỉ: Ấp P, xã T, huyện C, Thành phố Cần Thơ;

- Ông Quản Đức N (Quản Thanh T), sinh năm 1955. (có mặt khi xét xử, vắng mặt khi tuyên án)

Địa chỉ: 69A, khu phố H, phường L, thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh.

Bị đơn: Bà Huỳnh Ngọc T, sinh năm 1951.

Địa chỉ: 21/8, khu phố B, phường H, thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện hợp pháp theo ủy quyền:

- Ông Nguyễn Văn H, sinh năm 1995; (có mặt khi xét xử, vắng mặt khi tuyên án)

Địa chỉ: Tổ 31, Kiến B, Chợ M, An Giang.

- Bà Trần Phạm Thanh H, sinh năm 1999. (xin vắng mặt)

Địa chỉ: Phố Th, Đức Ph, Quảng N.

(Văn bản ủy quyền ngày 14/7/2022).

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1/ Những người thừa kế của ông Huỳnh Văn T (chết năm 2015):

- Bà Trần Thị P, sinh năm 1932;

- Bà Huỳnh Thị L, sinh năm 1957;

- Ông Huỳnh Anh D, sinh năm 1964;

- Bà Huỳnh Ngọc A, sinh năm 1966;

- Ông Huỳnh An L, sinh năm 1972.

Cùng địa chỉ: 135 đường L, khu phố H, phường Đ, thành phố Thủ Đức, thành phố Hồ Chí Minh (Xin vắng mặt).

- Ông Huỳnh Văn T, sinh năm 1956 (Xin vắng mặt).

Địa chỉ: Số 5, khu phố F, phường Đ, thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Bà Huỳnh Thị S, sinh năm 1963 (Xin vắng mặt).

Địa chỉ: 27/3A, phường B, thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Bà Huỳnh Ngọc T, sinh năm 1969 (Xin vắng mặt).

Địa chỉ: 14/2B, khu phố B, phường T, thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Bà Huỳnh Thị N, sinh năm 1970 (Xin vắng mặt).

Địa chỉ: 23D, khu phố K, phường Đ, thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Ông Huỳnh Thành N, sinh năm 1975;

- Ông Huỳnh Thành T, sinh năm 1979;

- Bà Huỳnh Thị Ngọc T, sinh năm 1982;

- Ông Huỳnh Thành C, sinh năm 1985.

Cùng địa chỉ: 15L, khu phố A, phường H, thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh (Xin vắng mặt).

- Bà Huỳnh Thị Ngọc H, sinh năm 1977 (Xin vắng mặt).

Địa chỉ: 700/2 ấp H, xã V, huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh

2/ Những người thừa kế của bà Huỳnh Thị T (chết năm 2018):

2.1- Bà Huỳnh Lệ D, sinh năm 1957.

Địa chỉ: 21/8, tổ 9A, khu phố B, phường H, thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện hợp pháp theo ủy quyền (Văn bản ủy quyền ngày 14/7/2022):

- Ông Nguyễn Văn H, sinh năm 1995; Địa chỉ: Tổ 31, Kiến B, Chợ M, An Giang. (có mặt khi xét xử, vắng mặt khi tuyên án)

- Bà Trần Phạm Thanh Hà, sinh năm 1999; Địa chỉ: Phở Th, Đức P, Quảng Ngãi (Xin vắng mặt).

2.2- Bà Huỳnh Ngọc Sương, sinh năm 1969. (có mặt)

Địa chỉ: 56/6F, khu phố B, phường H, thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh.

3/ Ông Vũ Văn H, sinh năm 1952;

4/ Ông Vũ H, sinh năm 1979;

5/ Bà Dương Thị Tuyết T, sinh năm 1982;

6/ Ông Vũ Hoàng M, sinh năm 2002.

Cùng địa chỉ: 21/8, tổ 9A, khu phố B, phường H, thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh (Xin vắng mặt).

7/ Phòng công chứng 3B Thành phố Hồ Chí Minh.

Địa chỉ: 12 đường N, phường B, thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh (Vắng mặt).

8/ Bà Nguyễn Thị Thu B.

Địa chỉ: 12 đường N, phường B, thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh (Vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn bà Huỳnh Thị G và người đại diện theo ủy quyền trình bày:

Cha mẹ bà G là ông Huỳnh Văn Đ (sinh năm 1907, chết năm 1991) và bà Trần Thị H (sinh năm 1912, chết năm 1996). Ông Đ và bà H có 05 người con: Ông Huỳnh Văn T (chết năm 2015), bà Huỳnh Thị T (chết năm 2018), bà Huỳnh Thị G, sinh năm 1936; bà Huỳnh Thị N, sinh năm 1941 và bà Huỳnh Ngọc T, sinh năm 1951.

Ông Đ và bà H không để lại di chúc, di sản là nhà đất tại thửa đất số 527A, tờ bản đồ số 112B, tọa lạc tại địa chỉ 21/8, khu phố B, phường H, quận Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh (số cũ: số 163/2 ấp B, xã C, huyện T, Thành phố Hồ Chí Minh).

Ngày 18/03/2002, di sản thừa kế bị đưa vào quy hoạch chi tiết 1/2000 đất ga BT mở rộng, thuộc phần đất giao thông của khu đầu mối giao thông và dân cư BT nên các anh chị em trong gia đình cùng ủy quyền cho bà T đại diện các đồng thừa kế làm giấy tờ nhà đất đứng tên đại diện trên giấy chứng nhận nhà đất, việc ủy quyền chỉ họp gia đình nói miệng và không lập văn bản. Ngày 01/11/2010, Ủy ban nhân dân quận T cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BĐ 220742 cho những người thừa kế quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất của ông Đ, bà H do bà Huỳnh Ngọc T là đại diện đứng tên.

Ngày 31/01/2011, bà Tuyết cùng bà G, bà N, bà T, ông T có lập tờ “Thỏa thuận phân chia di sản” được Phòng Công chứng số 3B công chứng. Tại thời điểm xác lập thỏa thuận, bà G và bà N vì thương em nên đồng ý ký và xác nhận, lẫn tay một cách vô điều kiện với tin tưởng sau khi được cấp giấy bà T sẽ chia lại cho các chị hoặc cho tiền các chị để trang trải cuộc sống.

Đến năm 2020, bà G thấy bà T sửa sang lại nhà nên bà có thắc mắc thì mới được biết bà T đã được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho cá nhân bà T, sau đó giữa các bên có buổi hòa giải tại khu phố nhưng không thành nên mới khởi kiện ra tòa.

Lý do yêu cầu tuyên bố văn bản công chứng vô hiệu vì thực tế bà G chỉ ủy quyền cho bà T đứng đại diện và nhận tiền bồi thường ga BT nếu có chứ không phải nhường lại quyền thừa kế. Bà G xác định tại thời điểm ký thỏa thuận phân chia di sản, bà G vừa có sự nhầm lẫn cũng như vừa có sự lừa dối.

Nay nguyên đơn yêu cầu Tòa án tuyên Thỏa thuận phân chia di sản số 3102TT ngày 31/01/2011 lập bởi Phòng Công chứng số 3B vô hiệu do xác lập trái pháp luật, có sự nhầm lẫn và bị lừa dối.

Theo đơn khởi kiện và quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn bà Huỳnh Thị N và người đại diện theo ủy quyền trình bày:

Thông nhất với nội dung trình bày và yêu cầu khởi kiện của bà G. Ngoài ra, tờ Thỏa thuận phân chia di sản chỉ thỏa thuận đứng tên nhà, không có nội dung thỏa thuận đứng tên đất. Nội dung nhượng đất là nhượng đứng tên chứ không phải cho hay bán do đây là nhà của cha mẹ để lại. Bà N là người rất nghèo thì không có lý do gì lại tặng cho một người có điều kiện như bà T, chỉ đến khi bà T sửa nhà thì bà N mới được biết. Người làm chứng ông Nguyễn Quốc H chỉ có trách nhiệm chứng kiến công chứng viên đọc lại văn bản cho người tham gia nghe chứ không được tự đọc lại nên không khách quan, ông H ghi dòng đã đọc dưới phần các bên ký và lấn tay là không đúng quy định, có cơ sở không có người làm chứng thật. Bà N không biết chữ và không có người làm chứng. Bà G khi xác lập thỏa thuận 75 tuổi, bà N 70 tuổi nên không rõ có giấy khám sức khỏe theo quy định của Luật Công chứng hay không.

Bà N cũng xác định tại thời điểm ký thỏa thuận phân chia di sản bà N vừa có sự nhầm lẫn cũng như vừa bị lừa dối, bản thân bà N không có đủ trình độ để am hiểu khi ký thỏa thuận, văn bản không có nội dung tặng cho đất mà chỉ nhượng nhà. Nay khởi kiện yêu cầu Tòa án tuyên tờ Thỏa thuận phân chia di sản số 3102TT ngày 31/01/2011 lập bởi Phòng Công chứng 3B vô hiệu do xác lập trái pháp luật, có sự nhầm lẫn và bị lừa dối.

Bị đơn bà Huỳnh Thị T và người đại diện theo ủy quyền trình bày:

Cha mẹ của nguyên đơn, bị đơn và hàng thừa kế đúng như nguyên đơn đã trình bày. Bà T ở chung với cha mẹ và bà nội là Huỳnh Thị D từ nhỏ đến lớn. Khi cha mẹ có tuổi và bệnh tật, bà T chăm sóc cho đến ngày cha, mẹ mất, sau đó mới lập gia đình. Các anh, chị là ông Huỳnh Văn T, bà Huỳnh Thị T, Huỳnh Thị G, Huỳnh Thị N không ở chung, không chăm sóc cha mẹ.

Cha mẹ bà T có tài sản chung là căn nhà tại địa chỉ số 21/8, khu phố B, phường H, thành phố Thủ Đức. Ông T, bà T, bà G, bà N đều biết trước khi mất, cha mẹ đã để lại toàn bộ tài sản trên cho bà T vì bà T không có gia đình, có công chăm sóc cha mẹ. Tài sản của cha mẹ để lại chưa được cấp Giấy chứng nhận nên các đồng thừa kế không thể ký văn bản thỏa thuận phân chia di sản thừa kế để nhượng lại cho bà T, do đó các đồng thừa kế đều thống nhất làm văn bản ủy quyền để bà T làm hồ sơ thủ tục đăng ký xin cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất do bà T đứng đại diện. Đến ngày 31/01/2011, các đồng thừa kế gồm bà T, ông T, bà T, bà G, bà N thực hiện sự thỏa thuận từ trước nên cùng thông nhất ký “Thỏa thuận phân chia di sản” với di sản thừa kế là căn nhà số 21/8, khu phố B, phường H, quận Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh được Phòng Công chứng 3B chứng nhận. Theo Điều 1 Thỏa thuận phân chia di sản tự nguyện nhượng đứt và vô điều kiện toàn bộ căn nhà mà 04 (bốn) người này được hưởng thừa kế của ông Huỳnh Văn Đ và bà Trần Thị H trong căn nhà

nêu trên, bao gồm cả nhà và đất cho bà Huỳnh Ngọc T. Bà T đồng ý nhận 04 (bốn) phần thừa kế của ông T, bà T, bà G, bà N và tiến hành thực hiện các nghĩa vụ với cơ quan nhà nước như đóng trước bạ, đóng thuế và đăng bộ nhà đất theo quy định và được UBND quận Thủ Đức cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BD883841S ngày 24/03/2011.

Ngoài ra, nhà đất tuy có nguồn gốc của cha mẹ nhưng khi họ còn sống bà T chưa lập gia đình, ở cùng và có công phụng dưỡng, lo cúng giỗ khi ông bà mất, chăm lo mồ mả tổ tiên, chăm lo cho anh chị em khi ốm đau và lúc khó khăn. Chính vì vậy khi ký giấy thỏa thuận phân chia di sản các chị đều vui vẻ và tự nguyện. Bà T hoàn toàn không có hứa hẹn hay giữa các bên có thỏa thuận điều kiện gì. Phần đất này là của bà, bà muốn giữ lại để thờ cúng và để kỷ niệm đất của ông bà cha mẹ chứ không muốn chia tách hay chuyển nhượng. Đối với bà G và bà N hiện đã lớn tuổi và khó khăn, trước đây bà cũng thường xuyên quan tâm hỗ trợ các bà và sau này bà T sẽ vẫn có sự quan tâm phù hợp, điều này xuất phát từ trách nhiệm với chị em trong gia đình.

Nay bà T xác định từ Thỏa thuận phân chia di sản được các bên xác lập hoàn toàn tự nguyện, hợp pháp nên không đồng ý hủy hay vô hiệu.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là những người thừa kế của ông Huỳnh Văn T trình bày:

Các ông bà biết cô út Huỳnh Thị T ở cùng và có công phụng dưỡng ông bà khi còn sống và lo cúng giỗ khi ông bà mất nên cha là ông T có tự nguyện đồng ý ký giấy tờ để bà Tuyết đứng tên và sở hữu đối với nhà đất tại 21/8, khu phố B, phường H, thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Huỳnh Thành N và là người thừa kế của ông Huỳnh Văn T trình bày:

Đầu năm 2011, ông N có chở cha là Huỳnh Văn T đến nhà cô út Huỳnh Thị T, tại đây có các cô Huỳnh Thị G, Huỳnh Thị N và Huỳnh Thị T và Huỳnh Thị T cùng Công chứng viên với một ông làm chứng do cô G mất bị mờ. Sau khi được nghe công chứng viên lập Thỏa thuận phân chia di sản xong có để cho người làm chứng đọc lại cho mọi người nghe, tất cả đều vui vẻ ký tên và lấn tay nhượng quyền sở hữu nhà đất tại 21/8, khu phố B, phường H, thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh cho cô út Huỳnh Thị T. Ông thấy việc cha là ông T đồng ý cho nhà cho cô út là hợp đạo lý làm người vì cô út Huỳnh Thị T ở cùng và có công phụng dưỡng ông bà khi còn sống và lo cúng giỗ cho ông bà khi ông bà mất cũng như chăm lo cho anh chị em khi ốm đau và lúc khó khăn, ngoài ra còn chăm lo mồ mả tổ tiên, ông bà.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Huỳnh Lệ D và là người thừa kế của bà Huỳnh Thị T trình bày:

Bà D ở cùng cụ nội Huỳnh Thị D, ông Huỳnh Văn Đ và bà Trần Thị H cùng bà Huỳnh Ngọc T từ nhỏ tại 21/8, khu phố B, phường H, thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh. Ông T, bà T, bà G và bà N đều lập gia đình và sống tại

nơi khác. Khi ông bà lớn tuổi và bệnh tật, bà T đã chăm sóc cho đến ngày ông bà mất vì vậy ông T, bà T, bà G và bà N thỏa thuận để lại toàn bộ tài sản là nhà đất của ông Đ, bà H cho bà T, khi ký thỏa thuận có công chứng viên và người làm chứng, tất cả đều vui vẻ ký tên.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Huỳnh Ngọc S và là người thừa kế của bà Huỳnh Thị T trình bày:

Bà S là con của bà T, khi các anh chị em bà T ký thỏa thuận phân chia di sản thì bà không được biết. Bà có ý kiến thống nhất nội dung trình bày của bà G, đề nghị Tòa án chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là các ông bà Vũ Văn H, Vũ H, Dương Thị Tuyết T và Vũ Hoàng M trình bày:

Không liên quan đến tranh chấp nên không có ý kiến hay yêu cầu gì, xin không tham gia trong quá trình tố tụng.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là Phòng Công chứng 3B và công chứng viên Nguyễn Thị Thu B trình bày:

Trình tự, thủ tục chứng nhận văn bản Thỏa thuận phân chia di sản nhà đất 21/8, khu phố B, phường H, thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh đúng theo quy định. Những người thỏa thuận phân chia di sản đã tự đọc lại nội dung dự thảo văn bản thỏa thuận trước sự có mặt của công chứng viên. Riêng bà G do không ký được nên có người làm chứng và công chứng viên đọc lại cho nghe. Tất cả những người tham gia thỏa thuận đều đồng ý nội dung và ký, lăn tay từng trang, không có sự lừa dối. Phòng Công chứng không đồng ý yêu cầu tuyên bố Thỏa thuận phân chia di sản vô hiệu.

Người làm chứng ông Nguyễn Quốc H trình bày:

Vào ngày 31/01/2011, ông H được mời làm chứng việc ký Thỏa thuận phân chia di sản nhà đất 21/8, khu phố B, phường H, thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh, lý do bà G lớn tuổi mắt mờ không đọc được. Quá trình chứng kiến ông thấy công chứng viên kiểm tra giấy tờ, xác minh tình trạng sức khỏe, năng lực hành vi, tình trạng biết đọc, biết viết của từng người trước khi bắt đầu thủ tục công chứng. Ông thấy ngoại trừ bà G mắt mờ không đọc được, còn lại mọi người biết đọc biết viết và đều hiểu rõ toàn bộ nội dung thỏa thuận. Các ông bà đều tự nguyện, vui vẻ ký tên và lăn tay nhường nhà đất cho bà T.

Bản án dân sự sơ thẩm số 3601/2022/DS-ST ngày 15/8/2022 của Tòa án nhân dân thành phố Thủ Đức quyết định:

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 1 Điều 147; Điều 228; Điều 271; khoản 1 Điều 273; Điều 280 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ Điều 122; Điều 123; Điều 124 Bộ luật Dân sự năm 2005;

Căn cứ Điều 1 Luật Nhà ở năm 2005;

Căn cứ Điều 2; Điều 3; Điều 4; Điều 6; Điều 9, Điều 35, Điều 36, Điều 41; Điều 43 và Điều 49 Luật Công chứng năm 2006;

Căn cứ Luật phí và lệ phí;

Căn cứ Luật Thi hành án dân sự năm 2008, đã được sửa đổi, bổ sung năm 2014;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Tuyên xử:

1. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Huỳnh Thị G và bà Huỳnh Thị N đối với bà Huỳnh Ngọc T về việc tuyên bố văn bản công chứng: Thỏa thuận phân chia di sản 3102TT lập bởi Phòng Công chứng 3B ngày 31/01/2011 vô hiệu.

2. Về án phí: bà Huỳnh Thị G và bà Huỳnh Thị N được miễn án phí.

Bản án sơ thẩm còn tuyên về quyền kháng cáo và thủ tục thi hành án.

Ngày 16/8/2022, nguyên đơn bà Huỳnh Thị G, Huỳnh Thị N có đơn kháng cáo toàn bộ Bản án dân sự sơ thẩm số 3601/2022/DS-ST ngày 15/8/2022 của Tòa án nhân dân thành phố Thủ Đức. Yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm sửa bản án sơ thẩm theo hướng chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Lý do: Tờ thỏa thuận phân chia di sản vô hiệu do xác lập trái pháp luật, có sự nhầm lẫn và bị lừa dối.

Tại phiên tòa phúc thẩm, nguyên đơn không rút yêu cầu khởi kiện, người kháng cáo không rút kháng cáo, các đương sự không hòa giải được.

Luật sư bảo vệ quyền lợi cho nguyên đơn trình bày: Năm 2003, một phần di sản thuộc diện giải tỏa nên các đồng thừa kế ủy quyền cho bà T để đại diện đứng ra giao dịch liên quan đến đền bù giải tỏa nếu có. Căn cứ Điều 35 Luật Công chứng năm 2006, thời điểm công chứng bà G 75 tuổi, quá trình tiến hành công chứng thì công chứng viên phải nghi ngờ về tình trạng sức khỏe; Người làm chứng phải giải thích và đọc cho người yêu cầu công chứng. Bà N 70 tuổi, không biết chữ, ông T bà T cũng thuộc hàng 80 tuổi nên công chứng viên cũng phải nghi ngờ nhưng cũng đều không có giấy khám sức khỏe. Bà G, bà N không biết về nội dung cần công chứng. Sơ thẩm nhận định việc bà N tự ký các văn bản ủy quyền có công chứng cho người khác tham gia tố tụng vụ án, văn bản xin miễn án phí, đơn khởi kiện để từ đó xác định bà N biết đọc biết viết là không có cơ sở. Nội dung ghi âm cuộc nói chuyện giữa bà G bà N với bà T thể hiện sự bức xúc của bà G bà N. Biên bản hòa giải ở Khu phố, nguyên đơn đã trình bày việc trước đó do hai bà không biết nên ký ủy quyền cho bà T và hai bà không biết chữ. Nguyên đơn không biết người làm chứng ông H là ai. Chỉ trong vòng hai tháng bà T từ người đại diện trên sổ đỏ mà đã chuyển sang sổ là chủ sở hữu. Văn bản thỏa thuận phân chia di sản ghi là tại Phòng Công chứng, phần người làm chứng là ông H được ghi nội dung làm chứng ở cuối văn bản là không hợp lý. Nội dung văn bản chỉ nhượng nhà chứ không có nhượng đất, trong khi nguyên đơn nghèo

lại cho bị đơn là người có điều kiện kinh tế. Ông N là con ông T không có mặt lúc công chứng nên lời khai của ông N là không có cơ sở chấp nhận. Căn cứ khoản 1 Điều 9, khoản 3 Điều 35 Luật Công chứng năm 2006 xác định văn bản thỏa thuận phân chia di sản số 3102TT của Phòng Công chứng 3B ngày 31/01/2011 vô hiệu. Đề nghị sửa bản án sơ thẩm, chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Đại diện cho bị đơn trình bày: Văn bản công chứng thỏa thuận phân chia di sản của Phòng Công chứng 3B về hình thức là đúng pháp luật về công chứng năm 2006. Văn bản đã thể hiện rõ ràng ý chí của tất cả các đồng thừa kế chứ không phải chỉ có nguyên đơn. Các tài liệu chứng cứ tại hồ sơ vụ án đã chứng minh bà N là người biết chữ, biết viết. Văn bản công chứng phải được thực hiện việc đóng dấu tại văn phòng trụ sở công chứng nên việc ghi là Tại Phòng Công chứng là phù hợp.

Đại diện Viện kiểm sát sau khi phát biểu ý kiến về việc chấp hành pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án, phân tích nhận định về nội dung vụ án và kháng cáo, đã nhận xét và đề nghị như sau:

- Về thủ tục tố tụng: Giai đoạn phúc thẩm, Hội đồng xét xử thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Các đương sự được đảm bảo để thực hiện các quyền, nghĩa vụ theo qui định của pháp luật.

- Về nội dung: Liên quan đến di sản, có 2 văn bản là Giấy cam kết được chứng thực ngày 18/5/2010 và Thỏa thuận phân chia di sản ngày 31/01/2011. Tại Giấy cam kết có nội dung các đồng thừa kế đều thừa nhận tài sản là di sản đã cho bà T và là của bà T, sau đó các đương sự mới ký Thỏa thuận phân chia di sản ngày 31/01/2011. Không có cơ sở để chứng minh nguyên đơn bị hạn chế hoặc mất năng lực hành vi dân sự. Thủ tục công chứng được thực hiện đúng quy định pháp luật. Nguyên đơn cũng không có căn cứ nào để chứng minh về sự nhầm lẫn hay bị lừa dối. Đề nghị căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự, không chấp nhận kháng cáo của nguyên đơn và giữ nguyên bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Kháng cáo của nguyên đơn được thực hiện đảm bảo đúng quy định về thời hạn và thủ tục. Thẩm quyền giải quyết vụ án sơ thẩm đã xác định đúng, đã đưa đủ người tham gia tố tụng, việc thực hiện tổng đạt các văn bản tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án đảm bảo đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Văn bản công chứng đối với Thỏa thuận phân chia di sản nhà đất 21/8, khu phố B, phường H, thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh, do Phòng Công chứng 3B Thành phố Hồ Chí Minh công chứng số 3102TT ngày 31/01/2011. Pháp luật áp dụng điều chỉnh mối quan hệ công chứng, chứng thực tại thời điểm thực hiện giao dịch là Nghị định số 75/2000/NĐ-CP ngày

08/12/2000 về Công chứng chứng thực (có hiệu lực từ ngày 01/4/2001 đến ngày 25/02/2013), Luật Công chứng năm 2006 và Thông tư liên tịch số 04/2006/TTLT-BTP-BTNMT ngày 13/6/2006 của Bộ Tư pháp và Bộ Tài nguyên và Môi trường, Bộ luật Dân sự năm 2005.

[3] Xét về trình tự thủ tục công chứng: Văn bản cần công chứng là “Thỏa thuận phân chia di sản”, pháp luật tại thời điểm công chứng quy định đây là loại văn bản phải được niêm yết trong thời hạn 30 ngày trước khi tiến hành việc công chứng văn bản. Phòng công chứng đã thực hiện thủ tục niêm yết tại Ủy ban nhân dân phường H, theo Văn bản số 0966/CV-CC3 ngày 23/11/2010 của Phòng Công chứng 3B và Biên bản V/v niêm yết văn bản thỏa thuận phân chia di sản lập ngày 24/11/2010 tại UBND phường H. Thủ tục và thời hạn niêm yết văn bản được thực hiện theo đúng hướng dẫn quy định tại Thông tư liên tịch số 04/2006/TTLT-BTP-BTNMT ngày 13/6/2006 của Bộ Tư pháp và Bộ Tài nguyên và Môi trường.

[4] Văn bản Thỏa thuận phân chia di sản, được công chứng số 3102T/TP/CC-SCC/HĐGD ngày 31/01/2011, do các đương sự gồm ông Huỳnh Văn T, bà Huỳnh Thị T, bà Huỳnh Thị G, bà Huỳnh Thị N và bà Huỳnh Thị T, là những người đồng thừa kế di sản xác lập cùng ký tên điểm chỉ vào từng trang của văn bản trước mặt Công chứng viên. Ngoài ra, việc công chứng Văn bản Thỏa thuận phân chia di sản này còn có người làm chứng theo quy định tại Điều 9 Luật Công chứng năm 2006.

Các đương sự gồm ông Huỳnh Văn T, bà Huỳnh Thị T, bà Huỳnh Thị G, bà Huỳnh Thị N và bà Huỳnh Thị T khi ký tên xác lập Thỏa thuận phân chia di sản vào ngày 31/01/2011 đều là những cá nhân có năng lực hành vi dân sự, mục đích và nội dung giao dịch không vi phạm điều cấm của pháp luật, không trái đạo đức xã hội, việc tham gia của các đương sự là tự nguyện, theo quy định pháp luật tại Điều 17, Điều 122 Bộ luật Dân sự năm 2006. Tất cả những vấn đề này đã được công chứng viên kiểm tra, chứng thực và ghi nhận tại văn bản công chứng. Không có chứng cứ nào chứng minh việc các đương sự khi tham gia giao dịch là người mất năng lực hành vi dân sự hay bị ép buộc tham gia giao dịch.

Văn bản công chứng ghi địa điểm tại “Căn nhà số 21/8, khu phố B, phường H, quận Thủ Đức và tại Trụ sở Phòng Công chứng 3B Thành phố Hồ Chí Minh”, là phù hợp với thực tế việc người yêu cầu công chứng có “Đơn yêu cầu cử công chứng viên thực hiện việc công chứng ngoài trụ sở” vào ngày 31/01/2011, phù hợp quy định tại Điều 39 Luật Công chứng năm 2006.

Công chứng viên đã thực hiện đầy đủ các thủ tục theo trình tự pháp luật quy định về công chứng, như nội dung thể hiện tại văn bản công chứng và đã cùng những người yêu cầu, người làm chứng ký tên vào từng trang của văn bản cần công chứng.

Căn cứ các tài liệu chứng cứ thu thập được nêu trên, có đủ cơ sở chứng minh: Thủ tục công chứng đối với Văn bản Thỏa thuận phân chia di sản ngày 31/01/2011 được Phòng Công chứng 3B Thành phố Hồ Chí Minh thực hiện đúng pháp luật, theo quy định tại Điều 35 và Điều 49 của Luật Công chứng năm 2006, như bản án sơ thẩm đã nhận định. Nguyên đơn khởi kiện cho rằng có vi phạm

pháp luật về công chứng nhưng không đưa ra được chứng cứ có giá trị chứng minh theo quy định pháp luật.

[5] Xét nội dung Đơn khởi kiện và kháng cáo của nguyên đơn về Văn bản Thỏa thuận phân chia di sản ngày 31/01/2011 có sự nhầm lẫn và bị lừa dối:

Đơn khởi kiện, nguyên đơn nêu *“Bị đơn và bà D cố ý đưa ra thông tin sai lệch về mục đích, tính chất, nội dung của việc ký tên điểm chỉ vào văn bản của các đồng thừa kế nên họ định ninh rằng mình chỉ đang ký tên điểm chỉ vào giấy ủy quyền để bị đơn đại diện đứng tên”*. Trình bày này của nguyên đơn không có căn cứ và không có chứng cứ để chứng minh, đồng thời không phù hợp và không bác bỏ được chứng cứ là văn bản công chứng thể hiện cụ thể mục đích và nội dung của giao dịch do các đương sự tự nguyện xác lập.

[6] Bà Huỳnh Thị N là người trực tiếp ghi họ tên, ký tên vào từng trang của văn bản, bà Huỳnh Thị G không ký tên được nhưng có điểm chỉ vào từng trang của văn bản. Người làm chứng đã đọc bản thỏa thuận cho bà Huỳnh Thị G nghe, bà G đã đồng ý và lãn tay. Văn bản ghi nhận việc các đương sự trước khi ký đã *“đồng ý toàn bộ nội dung bản thỏa thuận và ký trước sự có mặt của công chứng viên”*. Về nội dung ghi chứng nhận của người làm chứng: *“Tôi đã đọc bản thỏa thuận này cho bà Huỳnh Thị G nghe, bà G đã đồng ý và lãn tay”* tại vị trí cuối Văn bản Thỏa thuận của các đương sự, là phù hợp với nội dung tại Văn bản công chứng được Công chứng viên chứng nhận về người làm chứng. Những nội dung này không vi phạm pháp luật về công chứng như nguyên đơn trình bày.

[7] Về sửa chữa, bổ sung các con số tại văn bản đều có xác nhận, ký tên đóng dấu của công chứng viên, là lỗi kỹ thuật văn bản, được Công chứng viên thực hiện sửa lại theo đúng thủ tục quy định tại Điều 43 Luật Công chứng năm 2006, như án sơ thẩm nhận định, xét đây không là căn cứ để chứng minh một văn bản công chứng bị vô hiệu như nguyên đơn trình bày.

[8] Nguyên đơn thừa nhận có ký tên, có điểm chỉ tại văn bản thỏa thuận nhưng nay khởi kiện cho rằng bị nhầm lẫn và bị lừa dối khi tham gia giao dịch nhưng không chứng minh được có sự nhầm lẫn và lừa dối, như yêu cầu khởi kiện cũng như yêu cầu kháng cáo.

[9] Nguyên đơn cho rằng, tờ Thỏa thuận phân chia di sản chỉ thỏa thuận đứng tên nhà, không có nội dung thỏa thuận đứng tên đất. Hội đồng xét thấy, Văn bản Thỏa thuận phân chia di sản số 3102TT lập ngày 31/01/2011 thể hiện phần nội dung ghi di sản của ông Huỳnh Văn Đ và bà Trần Thị H là căn nhà số 21/8, khu phố B, phường H, quận Thủ Đức; Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất do bà Huỳnh Ngọc T làm đại diện, toàn bộ căn nhà có đặc điểm: diện tích khuôn viên: 757,3m². Nội dung văn bản các đương sự thỏa thuận được công chứng đối với di sản là bất động sản gồm cả nhà và đất gắn liền chứ không chỉ là căn nhà tách rời như nguyên đơn trình bày. Ngoài ra, đại diện của nguyên đơn cho rằng bà G, bà N là người rất nghèo không có lý do gì lại tặng cho một người có điều kiện như bà T. Hội đồng xét thấy đây không là lý do có căn cứ pháp luật để chứng minh nên không thể chấp nhận là chứng cứ.

[10] Ngoài ra, trước khi các đương sự thực hiện giao dịch, ký và công chứng “Thỏa thuận phân chia di sản” ngày 31/01/2011, các ông bà Huỳnh Văn T, Huỳnh Thị T, Huỳnh Thị G, Huỳnh Thị N đã từng cùng lập, ký tên “Giấy cam kết” có chứng thực của UBND xã Hiệp Bình Chánh (Số chứng thực: 3181A, quyền số 03/SCT-CK ngày 18/5/2010), thể hiện nội dung: “*Nguyên phần nhà đất nêu trên là do cha, mẹ chúng tôi tạo lập, ..., cha, mẹ chúng tôi để lại cho bà Huỳnh Ngọc T sử dụng. Chúng tôi cam kết phần nhà đất trên là hoàn toàn của bà T, chúng tôi sẽ không tranh chấp hay khiếu nại về quyền sở hữu căn nhà nêu trên*”. Mặc dù về hình thức văn bản không phải là hợp đồng tặng cho, nhưng về nội dung cũng đã thể hiện ý chí của các đồng thừa kế xác định toàn bộ di sản này cho bà T, của bà T. Đây cũng là một căn cứ bổ trợ chứng minh cho việc không có ai bị nhầm lẫn hay bị lừa dối khi xác lập giao dịch.

[11] Tham gia giao dịch không chỉ nguyên đơn mà còn có tất cả các đồng thừa kế gồm 5 người, khi tiến hành công chứng còn có người làm chứng, được công chứng viên kiểm tra ghi nhận tại văn bản công chứng, nay nguyên đơn cho rằng bị nhầm lẫn, bị lừa dối và không thừa nhận có người làm chứng là không có cơ sở. Những vấn đề Luật sư bảo vệ cho nguyên đơn trình bày là không phù hợp, không là cơ sở chứng minh giao dịch vô hiệu theo quy định pháp luật nên không có căn cứ chấp nhận.

Án sơ thẩm đã giải quyết yêu cầu của các đương sự phù hợp với chứng cứ thu thập được và đúng pháp luật nên kháng cáo của nguyên đơn không có căn cứ chấp nhận, như ý kiến của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh tại phiên tòa phúc thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ Điều 122, Điều 123, Điều 124 Bộ luật Dân sự năm 2005; Điều 2, Điều 3, Điều 4, Điều 6, Điều 9, Điều 35, Điều 36, Điều 41; Điều 43 và Điều 49 Luật Công chứng năm 2006;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án.

Không chấp nhận kháng cáo của bà Huỳnh Thị G và bà Huỳnh Thị N; Giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số 3601/2022/DS-ST ngày 15/8/2022 của Tòa án nhân dân thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh.

Tuyên xử:

1. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Huỳnh Thị G và bà Huỳnh Thị N đối với bà Huỳnh Ngọc T về việc tuyên bố Văn bản công chứng Thỏa thuận phân chia di sản số 3102TT lập bởi Phòng Công chứng 3B ngày 31/01/2011 vô hiệu.

2. Về án phí: bà Huỳnh Thị G và bà Huỳnh Thị N được miễn án phí.

Miễn án phí phúc thẩm cho bà Huỳnh Thị G và bà Huỳnh Thị N.

Trường hợp bản án được thi hành theo Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự (đã sửa đổi, bổ sung năm 2014).

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TAND tối cao;
- TAND cấp cao tại TP.HCM;
- VKSND TP.HCM;
- TAND thành phố Thủ Đức;
- THADS thành phố Thủ Đức;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ, văn phòng (T.40).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Phạm Hồng Giảng